

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Thống.

Ông Võ Minh Út.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2021/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/6/2021, đơn xin vắng mặt ngày 10/11/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn năm 2006 và đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh Đ thường hay đi nhậu về kiếm chuyện gây gổ và cự cãi, đánh đập chị rất nhiều lần. Từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay anh Đ về nhà hai lần và xin rượu rượt đánh tôi, tôi có báo công an thị trấn và có mời hai bên lên làm việc, không có lập biên bản. Giữa chị và anh Đ sống ly thân từ tết năm 2021 cho đến nay. Nay chị xác định mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung tên Huỳnh Thúy V, sinh ngày 07/10/2009 hiện do chị nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung chị xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gởi đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T vắng mặt có văn bản xin vắng mặt; Anh Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị T xác định kết hôn với anh Đ vào năm 2006 và đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh Đ thường hay bạo lực gia đình đối với chị dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, ly thân nhau đã lâu và không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên chị xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã biết chị T kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ anh Đ không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của chị T đặt ra. Như vậy, giữa chị T và anh Đ không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau công việc trong gia đình và không chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, việc chị T khởi kiện xin ly hôn với anh Đ là có cơ sở. Tuy nhiên, anh chị tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*, đối chiếu điều luật viện dẫn, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của chị T, mà cần tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ không được pháp luật công nhận vợ chồng là có căn cứ.

[3] Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Huỳnh Thúy V, sinh ngày 07/10/2009 hiện do chị T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Qua xác minh cháu V có nguyện vọng xin được ở với chị T. Căn cứ vào nguyện vọng con chung của anh chị và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị T, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu và quan hệ tình cảm của cháu đối với chị T, giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 53; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thúy V, sinh ngày 07/10/2009 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chấm dứt việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị T phải chịu 300.000 đồng, chị dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0007712 ngày 07/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn nay được chuyển thu, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên